

Đà Nẵng, ngày 06 tháng 06 năm 2018

**ĐỀ CƯƠNG THI TỐT NGHIỆP
CHUYÊN NGÀNH DƯỢC
KHÓA T20 (2014-2018)**

Thi tốt nghiệp:

- Môn Kiến thức cơ sở: 2 tín chỉ

Thời gian ôn thi: 8 giờ

Nội dung ôn thi: Tổng hợp kiến thức của 2 lĩnh vực

1. Hóa dược
2. Dược lý

- Môn Kiến thức chuyên ngành: 2 tín chỉ

Thời gian ôn thi: 8 giờ

Nội dung ôn thi: Tổng hợp kiến thức của 3 lĩnh vực

1. Pháp chế - Quản trị kinh doanh Dược
2. Bào chế - Công nghiệp Dược
3. Dược liệu - Dược cổ truyền

1 Đề cương ôn thi môn Kiến thức cơ sở:

1.1 Hóa dược

Trình bày các nội dung sau của 20 dược chất cụ thể

- ✓ Phân loại thuốc
- ✓ Định tính
- ✓ Định lượng
- ✓ Công dụng
- ✓ Kể tên 5 biệt dược có chứa dược chất

***Danh mục 20 dược chất cụ thể**

- | | |
|------------------|---------------------|
| 1. Phenobarbital | 11. Sulfamethoxazol |
| 2. Diazepam | 12. Acyclovir |
| 3. Paracetamol | 13. Cetirizin |
| 4. Diclofenac | 14. Furosemid |
| 5. Salbutamol | 15. Loratadin |
| 6. Vitamin A | 16. Prednisolon |
| 7. Vitamin C | 17. Isoniazid |
| 8. Captopril | 18. Amoxicilin |
| 9. Amlodipin | 19. Cefuroxim |
| 10. Codein | 20. Metronidazol |

1.2 Dược lý

Trình bày các nội dung sau của 20 dược chất cụ thể:

- ✓ Cơ chế tác dụng
- ✓ Chỉ định
- ✓ Tác dụng
- ✓ Tác dụng không mong muốn
- ✓ Minh họa 5 chế phẩm có chứa hoạt chất
- ✓ Liều dùng

*Danh mục 20 dược chất cụ thể

- | | |
|------------------|---------------------|
| 1. Vitamin A | 11. Paracetamol |
| 2. Vitamin C | 12. Diclofenac |
| 3. Captopril | 13. Salbutamol |
| 4. Amlodipin | 14. Loratadin |
| 5. Acyclovir | 15. Prednisolon |
| 6. Codein | 16. Amoxicilin |
| 7. Cetirizin | 17. Cefuroxim |
| 8. Furosemid | 18. Sulfamethoxazol |
| 9. Phenobarbital | 19. Metronidazol |
| 10. Diazepam | 20. Isoniazid |

2 Đề cương ôn thi môn Kiến thức chuyên ngành:

2.1 Pháp chế - Quản trị kinh doanh Dược

2.1.1. Trình bày các nội dung sau theo luật Dược 2016:

Chứng chỉ hành nghề: Vị trí công việc cần có Chứng chỉ hành nghề, Điều kiện cấp Chứng chỉ hành nghề Dược, Điều kiện đối với người chịu trách nhiệm chuyên môn trong các lĩnh vực liên quan đến thuốc và nguyên liệu làm thuốc

2.1.2. Trình bày khái niệm, công thức tính của một số chỉ tiêu tài chính: chi phí, doanh số, lợi nhuận, khấu hao, vòng quay vốn

2.1.3. Bốn nội dung cơ bản cung ứng thuốc bệnh viện

2.1.4. Bốn chức năng của quản trị và ba kỹ năng của nhà quản trị

2.1.5. Bốn chính sách của marketing

2.2 Bào chế - Công nghiệp Dược:

Trình bày ưu, nhược điểm; thành phần; phương pháp bào chế của 5 dạng bào chế sau:

1. Thuốc nhỏ mắt
2. Thuốc tiêm
3. Thuốc đặt
4. Viên nén
5. Viên nang

2.3 Dược liệu – Dược cổ truyền

- 2.3.1. Saponin: 5 tính chất đặc biệt; tác dụng, công dụng chính; tên 10 dược liệu tiêu biểu
- 2.3.2. Anthranoid: đặc điểm (của 2 nhóm anthranoid chính); tác dụng sinh học, công dụng chính; tên 10 dược liệu tiêu biểu
- 2.3.3. Flavonoid: tác dụng sinh học, công dụng chính; phân loại (3 nhóm flavonoid chính); tên các phân nhóm của euflavonoid
- 2.3.4. Coumarin: tác dụng, công dụng; tên các phân nhóm; tên 6 dược liệu tiêu biểu
- 2.3.5. Tanin: định nghĩa; tính chất, phân loại; tác dụng, công dụng; tên 5 dược liệu tiêu biểu
- 2.3.6. Alkaloid: định nghĩa (theo Max Polonovski); cách phân loại alkaloid (theo sinh phát nguyên); tác dụng sinh học; tên 15 dược liệu tiêu biểu

Đà Nẵng, ngày 06 tháng 06 năm 2018

TM BAN GIÁM HIỆU

PHÒNG ĐÀO TẠO

KHOA DƯỢC

PHÓ HIỆU TRƯỞNG
TS. Võ Thanh Hải

TS. Nguyễn Phi Sơn

PGS.TS Nguyễn Thị Thái Hằng